

BẢNG TÓM TẮT CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH

Có hiệu lực từ 05/05/2023

A. Bản Chấp Thuận Sử Dụng Thẻ Tín Dụng

Nội Dung cũ	Nội dung cập nhật
Phạm vi áp dụng: (Bản Chấp Thuận này được áp dụng cho Thẻ Tín Dụng Visa Bạch Kim, Visa Cash Back, Visa Chuẩn hoặc các loại thẻ khác do HSBC cấp)	Phạm vi áp dụng (Bản Chấp Thuận này được áp dụng cho Thẻ Tín Dụng HSBC Visa Bạch Kim, HSBC Visa Cash Back, HSBC Visa Chuẩn, HSBC TravelOne hoặc các loại thẻ khác do HSBC phát hành)
Điều 2: Hạn Mức Tín Dụng 2.1. Mỗi Thẻ được cấp một hạn mức tín dụng áp dụng đối với các giao dịch mua hàng và ứng tiền mặt (“Giao Dịch Thẻ”). Đối với giao dịch ứng tiền mặt, hạn mức tiền mặt có thể bằng hoặc nhỏ hơn hạn mức tín dụng. Để biết về hạn mức tín dụng của mình, Chủ Thẻ vui lòng xem chấp thuận của Ngân Hàng đối với đơn đăng ký Thẻ Tín Dụng của Chủ Thẻ và Bảng Sao Kê Giao Dịch. Ngân Hàng có toàn quyền cho phép thực hiện bất kỳ Giao Dịch Thẻ nào vượt quá hạn mức tín dụng hoặc hạn mức tiền mặt được quy định, hoặc giảm/tăng các hạn mức này thông qua việc đánh giá rủi ro tín dụng của Chủ Thẻ hoặc Tài Khoản Thẻ của Chủ Thẻ và chỉ thông báo trước cho Chủ Thẻ trong trường hợp pháp luật có yêu cầu. Số tiền mặt có thể rút từ Thẻ Tín Dụng ở nước ngoài được quy định cụ thể tại trang điện tử của Ngân Hàng: www.hsbc.com.vn . 2.2. Ngoài những quy định nêu trên, Ngân Hàng có thể thay đổi hạn mức tín dụng tùy từng thời điểm như được quy định dưới đây hoặc bằng việc gửi thông báo cho Chủ Thẻ. Chủ Thẻ	Điều 2: Hạn Mức Tín Dụng 2.1. Mỗi Thẻ được cấp một hạn mức tín dụng áp dụng đối với các giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ và ứng tiền mặt (“Giao Dịch Thẻ”). Đối với giao dịch ứng tiền mặt, hạn mức tiền mặt có thể bằng hoặc nhỏ hơn hạn mức tín dụng. Số tiền mặt có thể rút từ tài khoản Thẻ Tín Dụng ở nước ngoài được quy định cụ thể tại trang điện tử của Ngân Hàng www.hsbc.com.vn . Để biết về hạn mức tín dụng của Thẻ, Chủ Thẻ vui lòng xem trang thông tin đính kèm với Thẻ khi Thẻ được phát hành và/ hoặc Bảng Sao Kê Giao Dịch hàng tháng hoặc hạn mức được thể hiện tại số Thẻ tương ứng trên Ngân hàng trực tuyến/ Ứng dụng HSBC Mobile Banking. Ngân Hàng có toàn quyền cho phép thực hiện bất kỳ Giao Dịch Thẻ hoặc giao dịch ứng tiền mặt nào vượt quá hạn mức tín dụng được cấp. Thông qua việc đánh giá rủi ro tín dụng của Chủ Thẻ hoặc Tài Khoản Thẻ của Chủ Thẻ, Ngân Hàng, tùy theo quyết định của mình tại thời điểm, giảm hoặc tăng các hạn mức tín dụng và thông báo hợp lý cho Chủ Thẻ về sự thay đổi này bằng cách thức mà Ngân Hàng cho là phù hợp. Việc Chủ Thẻ tiếp tục sử dụng Thẻ sau khi Ngân Hàng thông báo được hiểu là Chủ Thẻ đồng ý với hạn mức tín dụng mới. 2.2. Chủ Thẻ, tại bất kỳ thời điểm nào, có thể gửi yêu cầu đến Ngân Hàng để đề nghị xem xét điều chỉnh hạn mức tín dụng đã được cấp. Phụ thuộc vào yêu cầu của Chủ Thẻ và kết quả đánh

<p>có thể nộp đơn đề nghị Ngân Hàng xem xét hạn mức tín dụng đã cấp cho mình tại bất kỳ thời điểm nào. Ngân Hàng có toàn quyền (nhưng không có nghĩa vụ) tăng hạn mức tín dụng tùy từng thời điểm. Đồng thời, phụ thuộc vào kết quả đánh giá hợp lý các rủi ro tín dụng liên quan đến Tài Khoản Thẻ hoặc Chủ Thẻ dựa vào những thông tin mà Ngân Hàng có được, Ngân Hàng có toàn quyền giảm hạn mức tín dụng đến một mức mà Ngân Hàng cho là phù hợp bằng một thông báo trước hợp lý cho Chủ Thẻ bằng hình thức mà Ngân Hàng cho là phù hợp.</p>	<p>giá hợp lý các rủi ro tín dụng liên quan đến tài khoản Thẻ Tín Dụng và những thông tin mà Ngân Hàng có được, Ngân Hàng có toàn quyền chấp thuận hoặc từ chối yêu cầu điều chỉnh hạn mức tín dụng của Chủ Thẻ. Trong trường hợp chấp thuận việc điều chỉnh hạn mức của Chủ Thẻ, Ngân Hàng có toàn quyền cấp hạn mức mới mà Ngân Hàng cho là phù hợp. Trong trường hợp Ngân Hàng từ chối điều chỉnh hạn mức, Ngân Hàng không cần phải thông báo cho Chủ Thẻ về lý do từ chối. Việc thay đổi hạn mức tín dụng này sẽ được Ngân Hàng thông báo hợp lý cho Chủ Thẻ bằng hình thức mà Ngân Hàng cho là phù hợp tại từng thời điểm. Việc Chủ Thẻ tiếp tục sử dụng Thẻ sau khi Ngân Hàng thông báo được hiểu là Chủ Thẻ đồng ý với hạn mức tín dụng mới.</p>
<p>Điều 7: Thanh Toán Thẻ Tín Dụng 7.3. Tất cả các Giao Dịch Thẻ được thực hiện bằng các loại tiền tệ không phải Việt Nam Đồng sẽ được ghi nợ vào Tài Khoản Thẻ sau khi quy đổi sang Việt Nam Đồng theo tỷ giá hối đoái được xác định bằng cách tham chiếu đến tỷ giá hối đoái do Visa International áp dụng vào ngày quy đổi, cộng thêm với một tỷ lệ phần trăm mà Ngân Hàng quy định và bất kỳ (các) phí giao dịch nào mà Ngân Hàng phải trả cho Visa International, nếu có, mà các khoản phí này sẽ được Chủ Thẻ chia sẻ với Ngân Hàng.</p>	<p>Điều 7: Thanh Toán Thẻ Tín Dụng 7.3. Tất cả các Giao Dịch Thẻ được thực hiện bằng các loại tiền tệ không phải Việt Nam Đồng sẽ được ghi nợ vào Tài Khoản Thẻ sau khi quy đổi sang Việt Nam Đồng. Việc quy đổi sang Việt Nam Đồng được xác định theo tỷ giá hối đoái bằng cách tham chiếu đến tỷ giá hối đoái do tổ chức phát hành Thẻ (Visa/Mastercard) áp dụng vào ngày thực hiện giao dịch, cộng thêm với phí quản lý giao dịch nước ngoài mà Ngân Hàng quy định và bất kỳ (các) phí giao dịch nào khác mà Ngân Hàng phải trả cho tổ chức phát hành Thẻ (Visa/Mastercard), nếu có.</p>

B. Bản Chấp Thuận Sử Dụng Thẻ Tín Dụng HSBC Premier

Nội Dung cũ	Nội dung cập nhật
<p>Điều 2: Hạn Mức Tín Dụng 2.1. Mỗi Thẻ được cấp một hạn mức tín dụng áp dụng đối với các giao dịch mua hàng và ứng tiền mặt (“Giao Dịch Thẻ”). Đối với giao dịch ứng tiền mặt, hạn mức tiền mặt có thể bằng hoặc nhỏ hơn hạn mức tín dụng. Để biết về hạn mức tín dụng của mình, Chủ Thẻ vui lòng xem chấp thuận của Ngân Hàng đối với đơn đăng ký Thẻ Tín Dụng của Chủ Thẻ và Bảng Sao Kê</p>	<p>Điều 2: Hạn Mức Tín Dụng 2.1. Mỗi Thẻ được cấp một hạn mức tín dụng áp dụng đối với các giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ và ứng tiền mặt (“Giao Dịch Thẻ”). Đối với giao dịch ứng tiền mặt, hạn mức tiền mặt có thể bằng hoặc nhỏ hơn hạn mức tín dụng. Số tiền mặt có thể rút từ tài khoản Thẻ Tín Dụng ở nước ngoài được quy định cụ thể</p>

Giao Dịch. Ngân Hàng có toàn quyền cho phép thực hiện bất kỳ Giao Dịch Thẻ nào vượt quá hạn mức tín dụng hoặc hạn mức tiền mặt được quy định, hoặc giảm/tăng các hạn mức này thông qua việc đánh giá rủi ro tín dụng của Chủ Thẻ hoặc Tài Khoản Thẻ của Chủ Thẻ và chỉ thông báo trước cho Chủ Thẻ trong trường hợp pháp luật có yêu cầu. Số tiền mặt có thể rút từ Thẻ Tín Dụng ở nước ngoài được quy định cụ thể tại trang điện tử của Ngân Hàng: www.hsbc.com.vn.

2.2. Ngoài những quy định nêu trên, Ngân Hàng có thể thay đổi hạn mức tín dụng tùy từng thời điểm như được quy định dưới đây hoặc bằng việc gửi thông báo cho Chủ Thẻ. Chủ Thẻ có thể nộp đơn đề nghị Ngân Hàng xem xét hạn mức tín dụng đã cấp cho mình tại bất kỳ thời điểm nào. Ngân Hàng có toàn quyền (nhưng không có nghĩa vụ) tăng hạn mức tín dụng tùy từng thời điểm. Đồng thời, phụ thuộc vào kết quả đánh giá hợp lý các rủi ro tín dụng liên quan đến Tài Khoản Thẻ hoặc Chủ Thẻ dựa vào những thông tin mà Ngân Hàng có được, Ngân Hàng có toàn quyền giảm hạn mức tín dụng đến một mức mà Ngân Hàng cho là phù hợp bằng một thông báo trước hợp lý cho Chủ Thẻ bằng hình thức mà Ngân Hàng cho là phù hợp.

tại trang điện tử của Ngân Hàng www.hsbc.com.vn.

Để biết về hạn mức tín dụng của Thẻ, Chủ Thẻ vui lòng xem trang thông tin đính kèm với Thẻ khi Thẻ được phát hành và/ hoặc Bảng Sao Kê Giao Dịch hàng tháng hoặc hạn mức được thể hiện tại số Thẻ tương ứng trên Ngân hàng trực tuyến/ Ứng dụng HSBC Mobile Banking. Ngân Hàng có toàn quyền cho phép thực hiện bất kỳ Giao Dịch Thẻ hoặc giao dịch ứng tiền mặt nào vượt quá hạn mức tín dụng được cấp. Thông qua việc đánh giá rủi ro tín dụng của Chủ Thẻ hoặc Tài Khoản Thẻ của Chủ Thẻ, Ngân Hàng, tùy theo quyết định của mình tại thời điểm, giảm hoặc tăng các hạn mức tín dụng và thông báo hợp lý cho Chủ Thẻ về sự thay đổi này bằng cách thức mà Ngân Hàng cho là phù hợp. Việc Chủ Thẻ tiếp tục sử dụng Thẻ sau khi Ngân Hàng thông báo được hiểu là Chủ Thẻ đồng ý với hạn mức tín dụng mới.

2.2. Chủ Thẻ, tại bất kỳ thời điểm nào, có thể gửi yêu cầu đến Ngân Hàng để đề nghị xem xét điều chỉnh hạn mức tín dụng đã được cấp. Phụ thuộc vào yêu cầu của Chủ Thẻ và kết quả đánh giá hợp lý các rủi ro tín dụng liên quan đến tài khoản Thẻ Tín Dụng và những thông tin mà Ngân Hàng có được, Ngân Hàng có toàn quyền chấp thuận hoặc từ chối yêu cầu điều chỉnh hạn mức tín dụng của Chủ Thẻ.

Trong trường hợp chấp thuận việc điều chỉnh hạn mức của Chủ Thẻ, Ngân Hàng có toàn quyền cấp hạn mức mới mà Ngân Hàng cho là phù hợp.

Trong trường hợp Ngân Hàng từ chối điều chỉnh hạn mức, Ngân Hàng không cần phải thông báo cho Chủ Thẻ về lý do từ chối.

Việc thay đổi hạn mức tín dụng này sẽ được Ngân Hàng thông báo hợp lý cho Chủ Thẻ bằng hình thức mà Ngân Hàng cho là phù hợp tại từng thời điểm. Việc Chủ Thẻ tiếp tục sử dụng Thẻ sau khi Ngân Hàng thông báo được hiểu là Chủ Thẻ đồng ý với hạn mức tín dụng mới.

<p>Điều 7: Thanh Toán Thẻ Tín Dụng</p> <p>7.3. Tất cả các Giao Dịch Thẻ được thực hiện bằng các loại tiền tệ không phải Việt Nam Đồng sẽ được ghi nợ vào Tài Khoản Thẻ sau khi quy đổi sang Việt Nam Đồng theo tỷ giá hối đoái được xác định bằng cách tham chiếu đến tỷ giá hối đoái do Visa International áp dụng vào ngày quy đổi, cộng thêm với một tỷ lệ phần trăm mà Ngân Hàng quy định và bất kỳ (các) phí giao dịch nào mà Ngân Hàng phải trả cho Visa International, nếu có, mà các khoản phí này sẽ được Chủ Thẻ chia sẻ với Ngân Hàng.</p>	<p>Điều 7: Thanh Toán Thẻ Tín Dụng</p> <p>7.3. Tất cả các Giao Dịch Thẻ được thực hiện bằng các loại tiền tệ không phải Việt Nam Đồng sẽ được ghi nợ vào Tài Khoản Thẻ sau khi quy đổi sang Việt Nam Đồng. Việc quy đổi sang Việt Nam Đồng được xác định theo tỷ giá hối đoái bằng cách tham chiếu đến tỷ giá hối đoái do tổ chức phát hành Thẻ (Visa/Mastercard) áp dụng vào ngày thực hiện giao dịch, cộng thêm với phí quản lý giao dịch nước ngoài mà Ngân Hàng quy định và bất kỳ (các) phí giao dịch nào khác mà Ngân Hàng phải trả cho tổ chức phát hành Thẻ (Visa/Mastercard), nếu có.</p>
--	---

C. Biểu phí Dịch Vụ Tài Chính Cá Nhân

Cập nhật Biểu phí mới cho Thẻ Tín Dụng HSBC TravelOne.

	Biểu phí Thẻ Tín Dụng HSBC TravelOne
Phí thường niên	<p>Năm đầu tiên:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thẻ chính: 1.500.000 VNĐ - Thẻ phụ: Miễn phí <p>Từ năm thứ hai:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thẻ chính: 1.500.000 VNĐ - Thẻ phụ: Miễn phí
Phí ứng tiền mặt tại máy ATM (cho mỗi giao dịch)	4% số tiền mặt ứng trước (tối thiểu 50.000VNĐ)
Khoản thanh toán tối thiểu	<p>bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> (i) 5% của số dư nợ* (tối thiểu 50.000VNĐ) và (ii) khoản trả góp hàng tháng (nếu có) và (iii) nợ quá hạn hoặc khoản vượt hạn mức tín dụng (tùy thuộc vào khoản nào lớn hơn tại thời điểm lập bảng sao kê). <p>* Số dư nợ là Số dư nợ cuối kì sau khi trừ đi khoản (ii)</p>

<p>Lãi suất</p> <p>(Không áp dụng nếu không có khoản tiền mặt nào được ứng trước và toàn bộ dư nợ cuối kỳ trên tài khoản thẻ tín dụng được thanh toán vào chậm nhất ngày đến hạn thanh toán của mỗi kỳ sao kê)</p>	<p>34%/năm</p>																																																														
<p>Chương Trình Trả Góp Tại Thương Hiệu Bạn Chọn (chỉ áp dụng cho những đối tác không nằm trong Chương trình trả góp 0% lãi suất)</p>	<table border="1" data-bbox="526 800 1417 1230"> <thead> <tr> <th></th> <th colspan="2">Nhóm 1</th> <th colspan="2">Nhóm 2</th> <th colspan="2">Nhóm 3</th> </tr> <tr> <th>Thời hạn</th> <th>Phí chuyển đổi (*)</th> <th>Lãi suất/ tháng (**)</th> <th>Phí chuyển đổi (*)</th> <th>Lãi suất/ tháng (**)</th> <th>Phí chuyển đổi (*)</th> <th>Lãi suất/ tháng (**)</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>3 tháng</td> <td>2,49%</td> <td>0%</td> <td>2,99%</td> <td>0%</td> <td>3,49%</td> <td>0%</td> </tr> <tr> <td>6 tháng</td> <td>4,49%</td> <td>0%</td> <td>5,49%</td> <td>0%</td> <td>5,99%</td> <td>0%</td> </tr> <tr> <td>9 tháng</td> <td>5,99%</td> <td>0%</td> <td>6,49%</td> <td>0%</td> <td>6,99%</td> <td>0%</td> </tr> <tr> <td>12 tháng</td> <td>6,49%</td> <td>0%</td> <td>7,49%</td> <td>0%</td> <td>7,99%</td> <td>0%</td> </tr> <tr> <td>24 tháng</td> <td>6,49%</td> <td>0,75%</td> <td>6,99%</td> <td>0,75%</td> <td>7,99%</td> <td>0,75%</td> </tr> <tr> <td>36 tháng</td> <td>6,49%</td> <td>0,75%</td> <td>6,99%</td> <td>0,75%</td> <td>7,99%</td> <td>0,75%</td> </tr> </tbody> </table> <p>(*) (**) Phí chuyển đổi và lãi suất áp dụng tương ứng với từng nhóm đối tượng Khách hàng được định nghĩa như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhóm 1: Nhóm khách hàng mở Thẻ Tín Dụng trên 3 tháng, yêu cầu chuyển đổi trả góp thông qua Ứng dụng HSBC Việt Nam và có lịch sử thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong 6 tháng gần nhất. - Nhóm 2: Nhóm khách hàng yêu cầu chuyển đổi trả góp thông qua Ứng dụng HSBC Việt Nam khác và không thuộc Nhóm 1. - Nhóm 3: Nhóm khách hàng yêu cầu chuyển đổi trả góp không thông qua Ứng dụng HSBC Việt Nam. <p>(**) Lãi suất áp dụng mỗi tháng được tính trên số tiền được yêu cầu chuyển đổi trả góp ban đầu</p>								Nhóm 1		Nhóm 2		Nhóm 3		Thời hạn	Phí chuyển đổi (*)	Lãi suất/ tháng (**)	Phí chuyển đổi (*)	Lãi suất/ tháng (**)	Phí chuyển đổi (*)	Lãi suất/ tháng (**)	3 tháng	2,49%	0%	2,99%	0%	3,49%	0%	6 tháng	4,49%	0%	5,49%	0%	5,99%	0%	9 tháng	5,99%	0%	6,49%	0%	6,99%	0%	12 tháng	6,49%	0%	7,49%	0%	7,99%	0%	24 tháng	6,49%	0,75%	6,99%	0,75%	7,99%	0,75%	36 tháng	6,49%	0,75%	6,99%	0,75%	7,99%	0,75%
	Nhóm 1		Nhóm 2		Nhóm 3																																																										
Thời hạn	Phí chuyển đổi (*)	Lãi suất/ tháng (**)	Phí chuyển đổi (*)	Lãi suất/ tháng (**)	Phí chuyển đổi (*)	Lãi suất/ tháng (**)																																																									
3 tháng	2,49%	0%	2,99%	0%	3,49%	0%																																																									
6 tháng	4,49%	0%	5,49%	0%	5,99%	0%																																																									
9 tháng	5,99%	0%	6,49%	0%	6,99%	0%																																																									
12 tháng	6,49%	0%	7,49%	0%	7,99%	0%																																																									
24 tháng	6,49%	0,75%	6,99%	0,75%	7,99%	0,75%																																																									
36 tháng	6,49%	0,75%	6,99%	0,75%	7,99%	0,75%																																																									
<p>Phí chậm thanh toán</p>	<p>4% khoản nợ tối thiểu (tối thiểu 80.000VNĐ – tối đa 630.000VNĐ)</p>																																																														

Phí cấp lại bản sao chi tiết tài khoản	80.000VND/bản
Phí vượt hạn mức tín dụng	100.000VND
Phí cấp lại thẻ (cho thẻ bị thất lạc hoặc hư hỏng)	200.000VND
Phí cấp lại số PIN	Miễn phí
Phí in bản sao biên nhận giao dịch	100.000VND/bản
Phí thay đổi hạn mức tín dụng	Miễn phí
Phí thay đổi loại hình đăng ký thẻ/hạng thẻ	100.000VND/lần
Phí chuyển Số Dư Có trong Thẻ Tín Dụng vào Tài Khoản	50.000VND/lần
Phí khiếu nại và yêu cầu kiểm tra (trong trường hợp lỗi trong giao dịch là do Chủ Thẻ)	100.000VND
Phí quản lý giao dịch nước ngoài	1.99%/giá trị mỗi giao dịch